

VINACAPITAL-VIBF

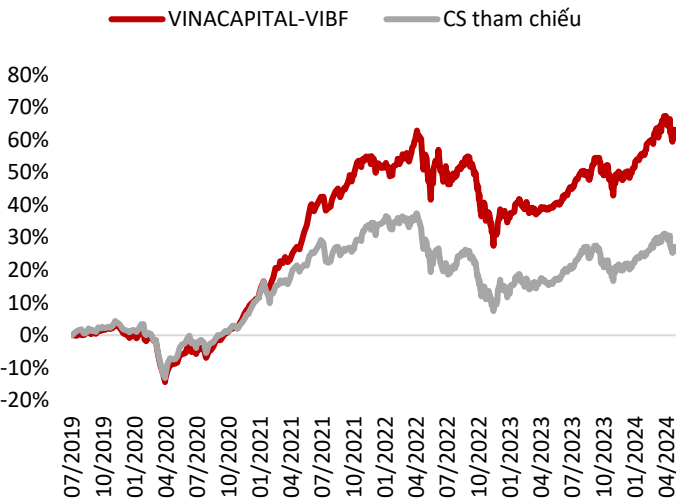
Chiến lược đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là giúp nhà đầu tư tiếp cận được những cổ phiếu tiềm năng đồng thời đầu tư vào trái phiếu để giảm thiểu rủi ro biến động giá. Chiến lược phân bổ của Quỹ là 50:50.

Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào danh mục các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty.

Quỹ cũng sẽ đầu tư vào trái phiếu, giấy tờ có giá và các sản phẩm có thu nhập cố định khác được phát hành bởi những công ty uy tín, có lợi nhuận bền vững và khả năng đáp ứng nguồn vốn tốt, trong khi vẫn đáp ứng được tỷ suất sinh lời yêu cầu của nhà đầu tư.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VINACAPITAL-VIBF

| | VINACAPITAL-VIBF | CSTC |
|--|------------------|-------|
| Tổng tài sản (tỷ VNĐ) | 475.5 | |
| Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ) | 16,304.2 | |
| Lợi nhuận tháng 04/2024 (%) | (2.6) | (2.7) |
| Lợi nhuận từ đầu năm 2024 (%) | 7.6 | 4.3 |
| Lợi nhuận kép trung bình 3 năm (%) | 8.6 | 2.4 |
| Lợi nhuận kép trung bình hàng năm từ khi thành lập (%) | 10.6 | 5.1 |
| Lợi nhuận từ ngày thành lập (%) | 63.0 | 27.2 |

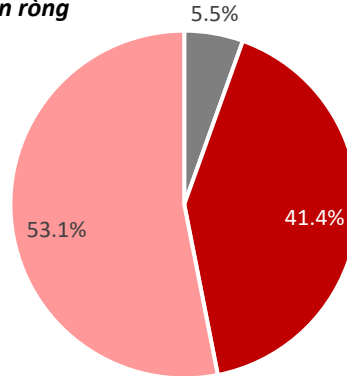
*CSTC: Chỉ số tham chiếu (Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Tiền mặt ■ CD & Trái phiếu & Tiền gửi NH ■ Cổ phiếu

Thông tin quỹ

| | |
|------------------------------|--|
| Ngày thành lập | 2/7/2019 |
| Phí quản lý | 1.75%/năm |
| Phí phát hành | 0.0% |
| Phí mua lại | 2.0% < 12 tháng |
| | 1.5% >= 12 tháng |
| | 0.5% >= 24 tháng |
| Thuế thu nhập cá nhân | 0.1% |
| Ngân hàng Giám sát và Lưu ký | Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam |
| Công ty kiểm toán | PwC Việt Nam |
| Tần suất giao dịch | Hàng ngày, từ Thứ Hai đến Thứ Sáu |
| Chỉ số tham chiếu (CSTC) | Bình quân của VN-Index và lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của Vietcombank |

Chỉ số danh mục cổ phiếu

| | VINACAPITAL-VIBF | CSTC |
|----------------------|------------------|------|
| Chỉ số P/E 2024 (x) | 9.0 | 11.2 |
| Chỉ số P/B 2024 (x) | 2.1 | 1.6 |
| Chỉ số ROE 2024 (%) | 18.4 | 14.1 |
| Lợi suất cổ tức (%) | 2.9 | 2.8 |
| Số lượng chứng khoán | 20 | 420 |

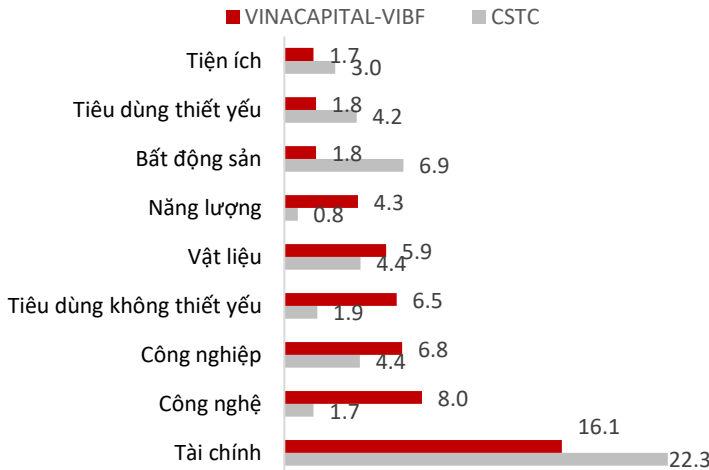
Chỉ số danh mục trái phiếu

| | |
|-----------------------------------|-----|
| Thời gian đáo hạn bình quân (năm) | 1.0 |
| Lợi suất khi đáo hạn (%) | 7.0 |

Nguồn: Bloomberg, dự báo của VinaCapital

Phân bổ theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

| Tên | Ngành | Tỷ trọng (%) | |
|------------|-------------|---------------------|------|
| Cổ phiếu | FPT | Công nghệ | 8.0 |
| | MBB | Tài chính | 6.6 |
| | ACB | Tài chính | 3.8 |
| | TCB | Tài chính | 3.8 |
| | PVD | Năng lượng | 3.1 |
| Trái phiếu | TN1122016 | Bất động sản | 12.6 |
| | KDHH2225001 | Bất động sản | 7.5 |
| | BAF122029 | Tiêu dùng thiết yếu | 4.3 |

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VIBF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, tổng khối lượng phát hành trong tháng 4/2024 đạt 15,7 nghìn tỷ đồng, tăng gần gấp 5 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Ngành Ngân hàng dẫn đầu về lượng phát hành với 9,1 nghìn tỷ đồng, chiếm xấp xỉ 58% tổng lượng phát hành, lợi suất bình quân 5,4% và kỳ hạn bình quân 5,9 năm. Tiếp theo là lĩnh vực Bất động sản với tổng giá trị phát hành là 6,6 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 42% tổng lượng phát hành hàng tháng, lợi suất bình quân 11% và kỳ hạn bình quân 2,4 năm. Trong đó, VinGroup và các công ty liên kết đã huy động được 6 nghìn tỷ đồng với lợi suất trung bình 12,3% và thời gian đáo hạn là 2,0 năm. 590 tỷ đồng còn lại do CTCP Thương mại Du lịch Lạc Hồng phát hành với lãi suất 9%, kỳ hạn 3 năm.

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Sau khi tăng liên tục 5 tháng trước đó, chỉ số VN Index giảm 5,8% trong tháng 4. Tính từ đầu năm, chỉ số VN Index vẫn tăng được 7,0%. Với việc VN Index đã tăng 25% từ đầu tháng 11/2023 đến hết tháng 3/2024, và một số cổ phiếu đã có mức tăng trên dưới 50%, việc thị trường chứng khoán (TTCK) để dành bị tác động bởi một vài thông tin tiêu cực là điều không quá bất ngờ. Tỷ giá USD/VND đã tăng 2,2% trong tháng 4 và 4,4% tính từ đầu năm. Việc tỷ giá tăng gây ra nhiều thách thức hơn cho chính sách điều hành tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước và tạo ra áp lực tăng lãi suất.

Lợi nhuận hàng tháng

| | T1 | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | T8 | T9 | T10 | T11 | T12 | LN từ đầu năm |
|------|-------|-------|------|-------|-------|-------|-------|------|-------|-------|-------|------|---------------|
| 2022 | -0.1% | 1.9% | 3.1% | -2.8% | -1.6% | -1.7% | -0.8% | 3.9% | -5.9% | -5.5% | -1.5% | 0.5% | -10.5% |
| 2023 | 4.0% | -2.8% | 0.6% | 0.5% | 1.0% | 2.9% | 3.8% | 1.3% | -1.0% | -5.3% | 3.7% | 2.2% | 11.2% |
| 2024 | 2.6% | 4.3% | 3.3% | -2.6% | | | | | | | | | 7.6% |

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VIBF (tt)

Trên thị trường quốc tế, đồng USD tiếp tục duy trì vị thế mạnh do Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) trì hoãn việc cắt giảm lãi suất. TTCK quốc tế cũng diễn biến không được tích cực với việc chỉ số MSCI Toàn cầu giảm 3,4% trong tháng 4.

Trên TTCK Việt Nam, hầu hết các nhóm ngành đều giảm trong tháng 4, ngoại trừ ngành Công nghệ thông tin có mức tăng 4,8% - được dẫn dắt bởi FPT với thương vụ hợp tác với NVIDIA để xây dựng trung tâm dữ liệu phục vụ cho trí tuệ nhân tạo (AI), và ngành Hàng tiêu dùng không thiết yếu tăng 1,2% - nhờ vào kết quả kinh doanh tích cực quý 1 của MWG và FRT. Ở chiều ngược lại, ngành Chứng khoán giảm 11,6%, là ngành giảm mạnh nhất trên thị trường, tiếp theo là Bất động sản giảm 9,3%, và Vật liệu giảm 8,1%. Thanh khoản của TTCK giảm, với giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày đạt 24,4 nghìn tỷ đồng trong tháng 4, giảm 18% so với tháng 3. Khối ngoại tiếp tục duy trì trạng thái bán ròng, với giá trị bán ròng trong tháng 4 là 5,3 nghìn tỷ đồng, tính trên cả 3 sàn, đưa giá trị bán ròng trong 4 tháng đầu năm lên 16,9 nghìn tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh quý 1 của các công ty niêm yết phần nào cho thấy sự tương đồng với bức tranh kinh tế vĩ mô ở quý 1 (đã được đề cập ở báo cáo tháng 3), đó là nền kinh tế đang dần hồi phục. Lợi nhuận sau thuế trong quý 1/2024 của các công ty niêm yết tính chung trên cả ba sàn tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ nhóm công ty thuộc Tập đoàn Vingroup, con số tăng trưởng lợi nhuận quý 1 của các công ty niêm yết còn ở mức tích cực hơn là 15,2%. Nếu nhìn theo ngành, chỉ có 3/11 ngành có lợi nhuận quý 1 giảm so với cùng kỳ là Bất động sản, Tiền ích và Chăm sóc sức khỏe. Các ngành còn lại đều ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận.

Chúng tôi cho rằng TTCK vẫn còn có thể chịu áp lực từ tỷ giá và lãi suất trong một thời gian ngắn nữa. Tuy nhiên, với việc nền kinh tế đang trên đà hồi phục và nhiều doanh nghiệp niêm yết đã ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong quý 1, chúng ta có thể kỳ vọng TTCK sẽ có triển vọng tích cực trong nửa sau của năm 2024.

CẬP NHẬT QUỸ

Sau khi đạt được một hiệu suất tăng trưởng rất tốt trong quý 1/2024, sang tháng 4/2024, giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ của VINACAPITAL VIBF đã điều chỉnh giảm 2,6%, ít hơn so với mức giảm 2,7% của chỉ số tham chiếu. Tính từ đầu năm, VIBF đã tăng 7,6%, vượt xa mức tăng 4,3% của chỉ số tham chiếu.

Lợi nhuận ròng của các doanh nghiệp thuộc danh mục đầu tư của VIBF đã tăng trưởng 20,9% trong Q1/2024, vượt xa mức tăng 12,1% của thị trường. Sự tăng trưởng này phản ánh giai đoạn phục hồi của môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, với kết quả rất nổi bật từ MWG, HPG, và PVD khi mức tăng lợi nhuận ròng lần lượt là 41,4 lần, 6,2 lần, và 1,4 lần so với cùng kỳ (svck).

MWG đã báo cáo mức tăng doanh thu ròng là 16%, với lợi nhuận ròng đạt 902 tỷ đồng (tăng 42,4 lần svck). Sự tăng trưởng này được thúc đẩy bởi sự cải thiện biên lợi nhuận trong các mảng kinh doanh điện thoại di động và điện tử tiêu dùng cũng như việc giảm lỗ từ mảng Bách hóa xanh (BHX). Mảng BHX là một điểm sáng của doanh nghiệp trong năm nay vì dự kiến mảng này sẽ tiến tới mốc hòa vốn sau một thời gian dài đầu tư. HPG đã công bố kết quả Q1/2024 đáng chú ý với mức tăng doanh thu ròng 16% lên 30,9 nghìn tỷ đồng (+16% svck) và LNST là 2,9 nghìn tỷ đồng (+622% svck). Sự hồi phục về nhu cầu, đặc biệt là trong các sản phẩm thép dẹt như thép cuộn cán nóng, và sự mở rộng biên lợi nhuận là chìa khóa cho những kết quả xuất sắc này. PVD đã báo cáo mức tăng doanh thu 37% lên 1,8 nghìn tỷ đồng và LNST là 157 tỷ đồng (+173% svck). Hiệu suất ấn tượng này được thúc đẩy bởi mức tăng 34% svck trong giá thuê trung bình ngày, phản ánh tình hình thuận lợi của thị trường giàn khoan tại Đông Nam Á.

Với danh mục đầu tư đa dạng và mức định giá hấp dẫn, P/E của danh mục cổ phiếu cho năm 2024 là 9,0x so với của VN Index là 11,2x, và gần 50% danh mục được phân bổ vào tài sản có thu nhập cố định, quỹ luôn có tính phòng thủ cao trong những giai đoạn thị trường biến động. Chúng tôi vẫn lạc quan về triển vọng của quỹ trong những tháng còn lại của năm.